TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày: 28.4.2020
"*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Minh Chiến - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn.
2. Ông Hồ Xuân Dũng - Cán bộ hưu trí xã Nhơn An, thị xã An Nhơn.

- Thư ký phiên Tòa: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020, về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST.DS ngày 24 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1980 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định
**** Bị đơn:*** Chị Lê Vũ Thùy T, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn K, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định
**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*** Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày*: Chị và chị Lê Vũ Thùy T có mối quan hệ họ hàng xa với nhau. Vào năm 2018 chị T vay tiền của vợ chồng chị 2 lần cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng tháng 10 năm 2018 chị T vay số tiền 10.000.000đ, mục đích vay tiền làm gì chị không rõ, lãi suất thỏa thuận là 500.000đ/10.000.000đ/tháng, lúc vay tiền không có viết giấy, chị T hẹn khoảng tháng 2, 3 năm 2019 trả nợ.

Lần 2: Khoảng 10 ngày sau, chị T tiếp tục vay số tiền 20.000.000đ, mục đích vay tiền để trả tiền cho người khác, lãi suất thỏa thuận là 500.000đ/10.000.000đ/tháng.

Tổng cộng 2 lần vay tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), khi vay tiền lần 2 thì chị T viết giấy mượn tiền, ghi mượn tổng cộng số tiền 30.000.000đ. Từ lúc vay tiền cho đến nay chị T chưa trả khoản tiền vay gốc, tiền lãi chỉ trả cho vợ chồng chị 2 tháng tiền lãi là 3.000.000đ, việc trả tiền lãi không viết giấy tờ.

Ngoài ra trong năm 2018 chị T còn vay tiền chị 2 lần tổng cộng 20.000.000đ, số tiền này trong thời gian qua chị T đã trả chỉ còn nợ 6.000.000đ nhưng do khi vay không viết giấy tờ nên số tiền nợ này chị không khởi kiện và cũng không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nay chị yêu cầu chị T trả một lần số tiền vay gốc 30.000.000đ, không yêu cầu tính tiền lãi.

****** *Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa bị đơn chị Lê Vũ Thùy T trình bày:* Trong năm 2013 chị vay tiền của chị N 3 lần, cụ thể:

Lần 1: Tháng 02/2013 vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng.

Lần 2: Tháng 5/2013 vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng.

Lần 3: Tháng 6/2013 vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng.

Tổng cộng số tiền 30.000.000đ, cả 3 lần vay tiền đều không viết giấy, chị đã trả tiền lãi cho chị N hàng tháng đến cuối năm 2015 đầu năm 2016 thì chị không có khả năng trả tiền lãi nên chị xin tiền lãi thì chị N đồng ý chuyển số tiền vay gốc 30.000.000đ sang nợ tiền huê cho chị trả dần và yêu cầu chị viết giấy mượn tiền.

Lần 4: Ngày 09.10.2017 âm lịch chị vay chị N số tiền 10.000.000đ, lãi suất 10%/tháng

Lần 5: Ngày 20.10.2017 chị vay chị N số tiền 10.000.000đ, lãi suất 15%/tháng.

Tổng cộng 2 lần vay sau là 20.000.000đ nhưng cả hai lần vay đều không viết giấy tờ.

Khi vay số tiền 30.000.000đ từ năm 2013 thì chị trả tiền lãi hàng tháng từ lúc vay đến cuối năm 2015 đầu năm 2016 nhưng chị N không viết giấy biên nhận. Từ tháng 3/2016 đến tháng 12/2017 chị đã tiền gốc cho chị N là 30.500.000đ nên chỉ còn nợ số tiền 19.500.000đ. Chị trả tiền gốc số tiền 30.500.000đ nhưng không có chứng cứ giấy tờ và chị N không thừa nhận nên chị xác định hiện còn nợ vợ chồng chị N số tiền vay gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Chị xin trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ. Riêng đối với số tiền lãi chị đã trả nhưng chị N thừa nhận chỉ có 02 tháng là 3.000.000đ thì chị không yêu cầu xem xét.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H trình bày*: Thống

nhất với lời trình bày của chị N, yêu cầu chị T trả một lần số tiền vay gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), không yêu cầu tính tiền lãi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn chị Lê Vũ Thùy T trả số tiền vay gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu chị Lê Vũ Thùy T có địa chỉ cư trú tại Thôn K, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định hoàn trả tiền vay gốc còn nợ trong hợp đồng vay tài sản. Theo quy định Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

[2] Giao dịch vay tiền giữa chị Nguyễn Thị Hồng N và chị Lê Vũ Thùy T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tin tưởng lẫn nhau, các bên thực hiện việc giao nhận tiền trước, sau đó mới tiến hành viết giấy là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật về hình thức của hợp đồng. Tuy nhiên sau khi vay tiền chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, để đảm bảo quyền lợi của mình nên chị N khởi kiện yêu cầu chị T trả nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình đối chất, hòa giải và tại phiên tòa, chị T xác định còn nợ vợ chồng chị N, anh H số tiền vay gốc 30.000.000đ là phù hợp với đơn khởi kiện và lời trình bày của chị N nên đây được coi là sự thật và được chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị N khởi kiện yêu cầu chị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền vay gốc 30.000.000đ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận buộc chị T có nghĩa vụ trả vợ chồng chị N, anh H số tiền vay gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

[4] Chị T xác định mức lãi suất vay là 10%/tháng còn chị N xác định mức lãi suất cho vay là 5%/tháng. Mặc dù mỗi bên đều khai mức lãi suất cho vay khác nhau nhưng cả hai mức lãi suất này đều trái với quy định của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên chị T khai đã trả tiền lãi cho chị N hàng tháng từ lúc vay đến cuối năm 2015 đầu năm 2016 nhưng chị N không thừa nhận và chị T cũng không có chứng cứ chứng minh. Trong khi chị N xác định chị T chỉ trả 2 tháng tiền lãi là 3.000.000đ. Hơn nữa tại phiên tòa chị N không

yêu cầu tính tiền lãi, chị T cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi 3.000.000đ chị N nhận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Chị T yêu cầu trả dần mỗi tháng 20.000.000đ cho đến hết nợ nhưng không được vợ chồng chị N, anh H đồng ý và cũng không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu án phí 1.500.000đ [cách tính: (5% x 30.000.000đ)]. Chị N không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng N

2/ Buộc chị Lê Vũ Thùy T có nghĩa vụ trả vợ chồng chị Nguyễn Thị Hồng N, anh Nguyễn Văn H số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

3/ Bác yêu cầu xin trả dần của chị T vì không được chị N, anh H đồng ý và không có căn cứ pháp luật.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Vũ Thùy T phải chịu 1.500.000đ. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Hồng N số tiền tạm ứng án phí là 750.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004889 ngày 12.02.2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm.

6/ Quyền, nghĩa vụ thi thành án:

6.1 Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

6.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định*
- *VKSND TX. An Nhơn*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*
- *Lưu án văn*

Trần Thị Mỹ Lệ